TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/KDTM-ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng thuê hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thọ
2. Ông Nguyễn Cảnh Liêm

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà: Bà Trần Thanh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 21/2024/TLST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng thuê hàng hoá theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2024/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Gia Phát Quy Nhơn; địa chỉ trụ sở: 30 Lê Văn Trung, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH G Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Duy Trung - Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: Công ty Luật TNHH HQ. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng Q - Giám đốc. Uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Quốc Hương (Theo văn bản uỷ quyền số 263/2023/HĐUQ ngày 26/3/2024). Nơi cư trú: Số 10A, ngõ 389 đường Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H ; địa chỉ: số 2 - 4 - 6 đường 9A, khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển : Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo

uỷ quyền: Ông Nguyễn Trung H (Theo văn bản uỷ quyền số 20/2024/GUQ-620IDIC ngày 16/7/2024). Địa chỉ liên hệ: 4/44 Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 3 năm 2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22 tháng 7 năm 2024 quá trình giải quyết vụ án Công ty TNHH G trình bày:

Ngày 26/12/2020, Công ty TNHH G (Công ty Gia Phát) và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H ký kết Hợp đồng kinh tế số: 0804/2021/HĐKT/GP - HT620 về việc thuê máy móc thiết bị phục vụ thi công. Ngày 22/01/2021, Công ty Gia Phát và Công ty 620 ký kết Hợp đồng kinh tế số: 2201/2021/HĐKT/620 - GPQN về việc vận chuyển cát đổ thải. Địa điểm thực hiện các Hợp đồng này là xã Nhơn Hội, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Theo đó, Công ty TNHH G đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã thoả thuận tại hợp đồng, thể hiện tổng khối lượng đã thi công và máy móc thiết bị đã triển khai với tổng giá trị 1.502.095.311 đồng - kèm Bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành và Hoá đơn giá trị gia tăng. Theo bản đối chiếu công nợ số 01/BBĐCCN ngày 30/6/2024 thì Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H còn nợ Công ty TNHH G tổng số tiền là 353.012.388 đồng. Tuy nhiên, Công ty 620 mới thực hiện thanh toán cho Công ty Gia Phát số tiền 1.238.542.000 đồng số liệu thanh toán được ghi nhận từ tài khoản của Công ty G sao kê ngân hàng. Nay Công ty Gia Phát yêu cầu Công ty 620 phải thanh toán cho Công ty Gia Phát số tiền 89.460.077 đồng theo các Hợp đồng kinh tế số: 0804/2021/HĐKT/GP-HT620 ngày 26/12/2020 và Hợp đồng kinh tế số: 2201/2021/HĐKT/620-GPQN ngày 22/01/2021. Theo đó, tổng số tiền mà Công ty 620 phải thanh toán cho Công ty Q là 353.012.388 đồng và lãi chậm trả.

Bị đơn Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H - ông Nguyễn Trung H trình bày:

Ngày 26/12/2020, Công ty 620 và Công ty G ký kết Hợp đồng kinh tế số: 0804/2021/HĐKT/GP-HT620 về việc thuê máy móc thiết bị phục vụ thi công. Ngày 22/01/2021, Công ty 620 và Công ty G ký kết Hợp đồng kinh tế số: 2201/2021/HĐKT/620-GPQN về việc vận chuyển cát đổ thải. Địa điểm thực hiện các Hợp đồng này là xã Nhơn Hội, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Theo bản đối chiếu công nợ số 01/BBĐCCN ngày 30/6/2024 thì Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng 620 còn nợ Công ty TNHH G tổng số tiền là 353.012.388 đồng. Nay Công ty TNHH Gia Phát Quy Nhơn yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng 620 trả số tiền trên và lãi chậm thanh toán thì Công ty 620 đồng ý nhưng vì hiện nay Công ty 620 đang gặp khó khăn nên xin trả dần cho Công ty Gia Phát 10.000.000 đồng/tháng, trường hợp tài chính Công ty 620 cải thiện hơn thì sẽ thanh toán thêm cho Công ty G .

Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư và phát triển h thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số: 0804/2021/HĐKT/GP-HT620 ngày 26/12/2020 và Hợp đồng kinh tế số: 2201/2021/HĐKT/620-GPQN ngày

22/01/2021. Theo đó, tổng số tiền mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển H số tiền 353.000.000 đồng (làm tròn) và tính lãi chậm thanh toán theo Điều 306 Luật thương mại với mức lãi suất 13%/năm từ 30/1/2024 đến 30/8/2024.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Tại phiên toà sơ thẩm Thẩm phán, Thư ký phiên toà, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị: Căn cứ Điều 280, 357, 515, 518, 519 BLDS; Điều 85, 270, 271, 306 Luật Thương mại 2005; Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/0/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G . Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển H phải thanh toán cho Công ty TNHH G tổng số tiền là 379.686.000 đồng bao gồm số tiền thuê, tiền thi công còn nợ là 353.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 30/01/2024 đến ngày 30/8/2024 với lãi suất 13%/năm là 26.686.000 đồng. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp

Nguyên đơn Công ty TNHH Gi (sau đây viết tắt là Công ty Gia Phát) khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H (sau đây viết tắt là Công ty 620) thanh toán số tiền nợ và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng kinh tế số: 0804/2021/HĐKT/GP-HT620 về việc thuê máy móc thiết bị phục vụ thi công và Hợp đồng kinh tế số: 2201/2021/HĐKT/620-GPQN về việc vận chuyển cát đổ thải mà các bên đã ký kết. Cả hai công ty đều là pháp nhân, có đăng ký kinh doanh nên đây là tranh chấp Hợp đồng thuê hàng hóa trong lĩnh vực thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn lựa chọn Toà án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết. Do đó, căn cứ vào các điều 35, 36, điểm g, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Giữa Công ty Gia Phát và Công ty 620 có ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế số: 0804/2021/HĐKT/GP-HT620 về việc thuê máy móc thiết bị phục vụ thi công và Hợp đồng kinh tế số: 2201/2021/HĐKT/620 - GPQN về việc vận chuyển cát đổ thải. Theo đó, việc ký kết này do người có đủ thẩm quyền đại diện cho các bên tham gia ký kết, làm cơ sở để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty G , thấy rằng:

[2.2.1] Giữa hai bên đương sự đã thống nhất với nhau về số tiền Công ty 620 còn nợ lại Công ty Gia Phát Hợp đồng kinh tế số: 0804/2021/HĐKT/GP-HT620 về việc thuê máy móc thiết bị phục vụ thi công và Hợp đồng kinh tế số: 2201/2021/HĐKT/620-GPQN về việc vận chuyển cát đổ thải 353.012.388 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc Công ty 620 thanh toán cho Công ty G số tiền này là có căn cứ theo qui định tại Điều 481 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 270, Luật thương mại.

[2.2.1] Công ty 620 cho rằng đang gặp khó khăn nên xin trả dần cho Công ty Gia Phát, trường hợp tài chính cải thiện hơn thì Công ty 620 sẽ thanh toán thêm cho Công ty Gia Phát không được nguyên đơn đồng ý và không phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của Công ty 620 được.

[2.2.2] Công ty G yêu cầu Công ty 620 trả tiền lãi chậm trả Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 306 Luật thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hoặc chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi suất trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoản thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền lại chậm trả tính từ ngày 30/1/2024 Công ty 620 nhận Thông báo thanh toán đến 30/8/2024 theo tự nguyện của nguyên đơn (07 tháng) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2.4] Về mức lãi suất chậm trả: Căn cứ Điều 11 của Nghị quyết 01/2029/NQ-HĐ TP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: *"Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Theo tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập thể hiện lãi suất nợ quá hạn trung bình quá hạn của 3

ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố Quy Nhơn tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 13,95% %/năm. Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất chậm trả bị đơn phải chịu là 13%năm là thấp hơn mức lãi suất qui định tại Điều 306 Luật Thương mại nên được chấp nhận: từ ngày 30/01/2024 đến ngày 30/8/2024 (7 tháng), trên tổng số tiền chậm thanh toán là 353.000.000 đồng, cụ thể: 353.000.000 đồng x 1,08/tháng x 7 tháng = 26.686.000 đồng.

[3] Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty 620 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty Gia Phát được Tòa chấp nhận. Hoàn trả cho Công ty Gia Phát số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Quy Nhơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 481 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 269, 270, 306 Luật thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G .

- Buộc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H phải trả cho Công ty TNHH Gia Phát Quy Nhơn số tiền còn nợ tổng cộng là 379.686.000 đồng trong đó gốc là 353.000.000 đồng và lãi 26.686.000 đồng

- Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển H xin trả dần cho Công ty TNHH Gi 20.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

2.Về án phí KDTM-ST:

- Buộc Công ty 620 phải chịu 18.984.000 đồng

- Hoàn trả cho Công ty TNHH Gi 6.589.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn theo biên lai số 0000747 ngày 05 tháng 4 năm 2024.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thị Phương Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Thọ **Nguyễn Cảnh Liêm** **Cao Thị Phương Thảo**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Thọ **Nguyễn Cảnh Liêm** **Cao Thị Phương Thảo**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp.Quy Nhơn;
- CQ THA DS Tp.Quy Nhơn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2021
Tại: trụ sở TAND TP. Quy Nhơn,Bình Định
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Hợp

2. Ông Phạm Ngọc Đông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 58/2021/TLST-DS ngày 15/3/2021 về việc "Tranh chấp về hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Phương, sinh năm: 1972
Cư trú: 46 Lương Định Của, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

2. Bị đơn: Chị Dương Thị Hoa (tên thường gọi Hòa), sinh 1979
Cư trú: 372/11 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Anh Hà Thúc Ninh, sinh năm 1977
Cư trú: 372/11 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, TP. Quy Nhơn, Bình Định
Anh Ninh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

+ Về căn cứ pháp luật :

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình; Các điều 15, 16, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phù qui định về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. (Biểu quyết 3/3- 100%)

+ Về nội dung :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Phương đòi chị Dương Thị Hoa (tên thường gọi là Hòa) và anh Hà Thúc Ninh trả tiền nợ góp hụi. (Biểu quyết 3/3- 100%)

2. Buộc Dương Thị Hoa (tên thường gọi là Hòa) và anh Hà Thúc Ninh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị Phương số tiền nợ góp hụi 355.800.000đ. (Biểu quyết 3/3- 100%)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ghi nhận tự nguyện của chị Trần Thị Phương không yêu cầu tính lãi số tiền nợ góp hụi. (Biểu quyết 3/3- 100%)

- Bác lời nại của anh Hà Thúc Ninh không đồng ý trả nợ góp hụi cho chị Trần Thị Phương và chị Dương Thị Hoa (tên thường gọi là Hòa) cho rằng nợ tiền góp hụi là nợ cá nhân chị không liên quan anh Hà Thúc Ninh xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ bắt đầu từ tháng 12/2021 cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh quá khó khăn. (Biểu quyết 3/3- 100%)

3.Về án phí DSST:

Chị Dương Thị Hoa (tên thường gọi là Hòa) và anh Hà Thúc Ninh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.790.000đ. (Biểu quyết 3/3- 100%)

Hoàn lại cho chị Trần Thị Phương số tiền tạm ứng án phí 8.895.000đ đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0003535 ngày 15/3/2021 của Cơ quan thi hành án Dân sự TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. (Biểu quyết 3/3- 100%)

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Hợp **Phạm Ngọc Đông** **Cao Thị Phương Thảo**